

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 02/4/2026

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mạnh Thắng, bà Bạc Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thào A Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2025/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sùng Thị D - sinh năm 2004. Căn cước công dân số: 011304001400, cấp ngày 03/4/2021, nơi cấp Cục CSQLHC về trật tự xã hội; Nơi cư trú: Thôn H, xã S, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Giàng A D1 - sinh năm 1996. Căn cước công dân số: 011096000436, cấp ngày 16/4/2021, nơi cấp Cục CSQLHC về trật tự xã hội; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Sùng Thị D trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn Giàng A D1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2020, đến ngày 19/9/2023 hai người đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là UBND xã T, tỉnh Điện Biên).

Sau khi kết hôn, hai người sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, bị đơn có hành vi đánh nguyên đơn. Hai bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả, hai người đã sống ly thân từ ngày 12/7/2025 đến nay. Nguyên đơn thấy không còn tình cảm, không thể chung sống với bị đơn được nữa, do đó nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Giàng A D1.

Về con chung: Hai người có 02 con chung là Giàng Thị C - sinh ngày 28/11/2020, Giàng Thị Yên L - sinh ngày 19/7/2023. Nguyên đơn đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Giàng Thị Yên L đến khi thành niên và có khả năng lao động. Giao cho bị đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Giàng Thị C đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Trong bản tự khai, hòa giải: Bị đơn nhất trí với ý kiến nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, thời gian sống ly thân, hai người có đăng ký kết hôn, về con chung; nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nghi ngờ nguyên đơn có hành vi ngoại tình; về hôn nhân bị đơn không đồng ý ly hôn, về con chung bị đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung đến khi thành niên và có khả năng lao động và yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi Giàng Thị C, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng đến khi thành niên và có khả năng lao động; về tài sản chung, nợ bị đơn không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, ý kiến về nuôi con chung; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về thẩm quyền, trình tự tố tụng: Đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình, đề nghị giao cháu Giàng Thị Yên L cho nguyên đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Giao cháu Giàng Thị C cho bị đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ: Các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1

Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Sùng Thị D xác định là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại các Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về thẩm quyền giải quyết: Thời điểm nguyên đơn nộp đơn xin ly hôn thì bị đơn Giàng A D1 có nơi cư trú tại thôn Đ, xã T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa mở ngày 24/3/2026 Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự do bị đơn vắng mặt không có lý do.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Sùng Thị D và anh Giàng A D1 là hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn xuất phát từ việc hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bị đơn đánh nguyên đơn, hai người đã sống ly thân từ ngày 12/7/2025 đến nay, mỗi người sống một nơi không quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng giữa hai người đến nay không còn, do đó xác định quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận cho ly hôn.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình giải quyết các bên không thống nhất được việc nuôi con chung. Nguyên đơn yêu cầu được nuôi Giàng Thị Yên L, giao cho bị đơn nuôi Giàng Thị C. Bị đơn yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi Giàng Thị C, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng đến khi thành niên và có khả năng lao động. Hội đồng xét xử thấy hai bên đều lao động sản xuất nông nghiệp, điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con như nhau. Sau khi xem xét nguyện vọng của nguyên đơn là phù hợp với điều kiện của các bên và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia

đình, nên cần chấp thuận theo nguyện vọng của nguyên đơn và cần giao cháu Giàng Thị Yến L - sinh ngày 19/7/2023 cho nguyên đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Giao cho bị đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng Thị C - sinh ngày 28/11/2020 đến khi thành niên và có khả năng lao động. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ: Các bên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Sùng Thị D được ly hôn với anh Giàng A D1.

2. Về chăm sóc, nuôi dưỡng con chung:

- Giao cho chị Sùng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Giàng Thị Yến L - sinh ngày 19/7/2023 đến khi thành niên và có khả năng lao động.

- Giao cho anh Giàng A D1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Giàng Thị C - sinh ngày 28/11/2020 đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

4. Về kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/4/2026).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- THADS tỉnh Đ;
- UBND xã T, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tòng Thị Lan